

TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU – TRỌNG THỦY

(Truyện thuyết)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Qua phân tích một truyện thuyết cụ thể, nắm được đặc trưng chủ yếu của truyện thuyết : Kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố lịch sử với yếu tố tưởng tượng ; phản ánh quan điểm đánh giá, thái độ và tình cảm của nhân dân về các sự kiện lịch sử và các nhân vật lịch sử.

– Nắm được giá trị, ý nghĩa của *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* : Từ bi kịch mất nước của cha con An Dương Vương và bi kịch tình yêu của Mị Châu – Trọng Thủy, nhân dân muốn rút ra và trao truyền lại cho các thế hệ sau bài học lịch sử về ý thức đề cao cảnh giác với âm mưu của kẻ thù xâm lược trong công cuộc giữ nước. Điều đáng lưu ý là bài học lịch sử đó cần được đặt trong bối cảnh hiện tại vừa cần hội nhập với thế giới vừa phải giữ vững an ninh, chủ quyền đất nước.

– Rèn luyện thêm kĩ năng phân tích truyện *dân gian* để có thể hiểu đúng ý nghĩa của những hư cấu nghệ thuật trong truyện thuyết.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

a) Bài học trên lớp gồm hai phần : phần *Tiểu dẫn* và phần *Văn bản*. Phần thứ hai là trọng tâm, cần dành nhiều thời gian. Phần thứ nhất là cần thiết để nâng cao, khắc sâu kiến thức chung về thể loại truyện thuyết mà HS đã làm quen trong Chương trình Ngữ văn 6, nay một lần nữa (và là lần cuối cùng trong cấp học phổ thông) được củng cố cho vững hơn. Những kiến thức này sẽ là cơ sở để HS định hướng phân tích, tìm hiểu văn bản.

b) Cần xác định rõ nội dung, chủ đề của văn bản chọn đưa vào SGK.

Truyện thuyết về việc xây dựng thành công và việc để thất thủ thành Cổ Loa xuất hiện lần đầu tiên trong sách *Lĩnh Nam chích quái* (căn cứ vào những tài liệu Việt Nam hiện còn giữ được) có thể được hoàn chỉnh vào thế kỉ XV. Theo đó cốt truyện gồm hai nửa. Nửa đầu, truyện kể việc An Dương Vương

được thần Kim Quy giúp xây thành Cổ Loa, chế tạo nỏ thần và đánh thắng đợt xâm lăng thứ nhất của Triệu Đà. Nửa sau, truyện kể việc nhà vua mất cảnh giác gả con gái là Mị Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy, việc Trọng Thủy đánh tráo lấy nỏ thần dẫn đến kết cục bi thảm là thành Cổ Loa thất thủ trước đợt tấn công thứ hai của họ Triệu. Theo bản kể này thì An Dương Vương là nhân vật chính, bóng của ông ngả suốt chiều dài diễn biến cốt truyện, còn lại đều là nhân vật phụ.

Vậy là bài học lịch sử rút ra ở đây gồm hai phần. Phần thứ nhất là bài học dựng nước và giữ nước được rút ra chủ yếu từ phía An Dương Vương trong nửa đầu câu chuyện. Phần thứ hai là bài học rút ra từ việc mất nước, chủ yếu được nhấn mạnh từ phía Mị Châu và cả từ phía Trọng Thủy – y vừa là thủ phạm trực tiếp gây ra cảnh nước mất nhà tan cho dân Âu Lạc và cho ngay gia đình bên vợ của y, vừa là nạn nhân của cuộc chiến tranh phi nghĩa mà y cũng cung phục vụ một cách mù quáng (Nói chủ yếu là nghiêng về cách lí giải của truyền thuyết, còn thực tế thì An Dương Vương vẫn là người chịu trách nhiệm chính về mọi việc) . Bởi vậy, bài học rút ra càng sâu sắc.

Cần nắm vững đặc điểm trên đây của văn bản để bài học không sa đà vào việc phân tích quá kĩ nửa đầu của truyện, cũng là một phần của bài học giữ nước được rút ra từ những thành công của An Dương Vương. Điều cần tập trung phân tích là nửa sau của truyện, là phần thứ hai của bài học giữ nước được rút ra từ sự mất cảnh giác của An Dương Vương và nhất là từ sự ngây thơ, nhẹ dạ (và cả sự mất cảnh giác) của Mị Châu trong tình yêu và trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hạnh phúc cá nhân riêng tư với quyền lợi của dân tộc, đất nước. Cả hai bài học đều quan trọng như nhau.

2. Trọng tâm bài học

a) Ở phần *Tiểu dẫn* cần chú ý mấy điểm sau :

- Đặc trưng của truyền thuyết.
- Giá trị và ý nghĩa của truyền thuyết.
- Môi trường sinh thành, biến đổi, diễn xướng của truyền thuyết : các sinh hoạt văn hoá tinh thần của dân gian như lễ hội, các di tích lịch sử – văn hoá liên quan đến sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử được truyền thuyết nhắc đến (văn hoá vật chất).

Hai ý thứ nhất và thứ hai là trọng tâm. Ý thứ ba là cần thiết để giúp HS nhận rõ : mối liên hệ khăng khít giữa văn học dân gian với văn hoá dân gian nói chung ; nét khác biệt giữa văn học dân gian với văn học viết xét về phương thức tồn tại và lưu hành (văn học viết tồn tại và lưu hành trên văn bản dùng để đọc, xem bằng mắt ; văn học dân gian tồn tại và lưu hành trong sinh hoạt văn hoá dân gian). Có thể nêu ra nhiều dẫn chứng cho mối liên hệ đó trong truyện này. Ví dụ : Do tín ngưỡng bản địa tôn thờ các anh hùng dân tộc nên để suy tôn An Dương Vương, dân gian mới sáng tạo nhân vật Mị Châu cùng câu chuyện về mối tình nhẹ dạ, mù quáng của nàng, sử dụng câu chuyện đó để làm mờ đi nguyên nhân mất nước thực sự chủ yếu

liên quan đến chính An Dương Vương. Cũng do tín ngưỡng đó mà trong dân gian nảy sinh niềm tin rằng các anh hùng dân tộc là bất tử. Điều đó kết hợp với một tư duy còn chịu ảnh hưởng ít nhiều bởi quan niệm thần linh chủ nghĩa đã đưa đến sự sáng tạo chi tiết An Dương Vương không chết mà được thần Rùa Vàng rẽ nước đưa xuống biển. Cũng do ý thức suy tôn những biểu tượng thiêng liêng (linh tượng) của dân tộc đó mà có các chi tiết thần Rùa Vàng hiện lên giúp vua xây thành, chế nỏ – một cách vừa đề cao anh hùng dân tộc (biểu tượng tinh thần của dân tộc) vừa tự đề cao chính dân tộc mình,...Hoặc như chi tiết đem ngọc trai (một hoá thân của Mị Châu) rửa vào nước giếng Cổ Loa sau khi Trọng Thủy trầm mình vì ân hận... trong truyện hẳn có liên quan ít nhiều đến tập tục cổ của người Việt.

b) Ở phần giới thiệu chung về *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* cần nhấn mạnh mấy điểm sau :

– Khung không gian – thời gian là bối cảnh ra đời truyện thuyết.

– Tóm tắt nội dung toàn bộ câu chuyện về thành Cổ Loa với kết cấu gồm hai phần cơ bản. Mục đích việc tóm tắt là : giúp HS nắm được xuất xứ của phần được SGK chọn kể, trên cơ sở đó HS định hướng tìm hiểu chủ đề văn bản.

c) Ở phần văn bản tác phẩm có mấy điểm cần lưu ý :

– Ý thức đề cao cảnh giác, tinh thần trách nhiệm của An Dương Vương trước vận nước được nhân dân giao phó biểu hiện ở việc : lo xây thành, lo chế tạo vũ khí phòng khi có giặc. Vì lẽ đó, nhà vua đã được nhân dân và thần linh ủng hộ (biểu hiện ở sự giúp đỡ của thần linh, của Cao Lỗ).

– Sự mất cảnh giác của An Dương Vương biểu hiện ở việc : vì mơ hồ về bản chất tham lam, độc ác của kẻ thù nên nhận lời kết tình thông hiếu ; giặc đã kéo đến vây ỹ lại vào vũ khí mà không kịp thời bố trí chống cự lại.

– Sự mất cảnh giác và thái độ cả tin, ngây thơ của Mị Châu trong tình yêu biểu hiện ở hai hành vi : để lộ bí mật quốc gia khiến vũ khí lợi hại – bảo vật giữ nước bị đánh tráo mà không hay biết ; chỉ đơn thuần nghĩ đến hạnh phúc cá nhân khi đánh dấu đường chạy cho Trọng Thủy lần theo ; nàng bị kết tội một cách đích đáng là "giặc". Tuy nhiên vấn đề còn là ở chỗ nàng trở thành "giặc trong" một cách vô tình chứ không do chủ ý.

– Tính chất phức tạp về nội dung, bản chất của hình tượng nhân vật Trọng Thủy : trước lúc cầu hôn Mị Châu, có thể Thủy chưa có tình yêu mà chỉ hành động vì ý thức của kẻ làm con phải tuân lời cha, kẻ làm tôi phải tuân lệnh chúa (chủ) ; khi đã sống cuộc sống vợ chồng, giả sử ở Thủy đã nảy nở tình yêu thì ý thức về nghĩa vụ đối với "chủ nhân" (tức cha hấn – Triệu Đà) vẫn mạnh hơn ; vừa lợi dụng tình yêu để thực hiện mưu đồ, nghĩa vụ bề tôi đối với chủ lại vừa muốn thoả mãn cả hạnh phúc tình yêu. Tóm lại, Trọng Thủy vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân của âm mưu xâm lược.

Cái chết của Thuỷ là bi kịch của một kẻ "bị kẹt", "bị thôi thúc" giữa tham vọng xâm lược với tham vọng tình yêu, hạnh phúc cá nhân. Rốt cục, xét về một phương diện nào đó, Thuỷ cũng ngây thơ, cả tin, mơ hồ về bản chất của chiến tranh xâm lược.

– Giá trị nghệ thuật của truyện : có một kết cấu chặt chẽ đến hoàn mỹ ; xây dựng được những nhân vật chứa đầy mâu thuẫn và những mâu thuẫn ấy vừa thuộc về cá nhân vừa phản ánh được những mâu thuẫn gay gắt giữa dân tộc ta với kẻ thù xâm lược ; xây dựng được những chi tiết nghệ thuật cô đọng và hàm súc ý nghĩa (như hình ảnh "ngọc trai – nước giếng").

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

a) Yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà

b) Ở lớp, GV hướng dẫn HS thống kê những chi tiết nghệ thuật quan trọng liên quan đến từng nhân vật của truyện.

c) Dựa vào kết quả thống kê, GV nêu vấn đề (dựa theo câu hỏi trong SGK) để HS thảo luận. Cần hết sức tránh áp đặt ý kiến của GV. Cần dự kiến trước tình trạng HS có nhiều cách hiểu khác nhau về hai nhân vật Mị Châu và Trọng Thuỷ để chuẩn bị trước phương án giải quyết, dẫn dắt HS đi đến cách hiểu đúng đắn.

GV yêu cầu HS chuẩn bị trước ở nhà hai việc : xem lại phần chú thích khái niệm truyền thuyết ở SGK *Ngữ văn 6* ; đọc kĩ phần *Tiểu dẫn* về truyền thuyết trong SGK *Ngữ văn 10* và "lọc ra" những đặc trưng cơ bản nhất của truyền thuyết, giá trị và ý nghĩa của nó. (Việc này cần yêu cầu HS chuẩn bị trước trong vở.)

Tại lớp, GV chỉ cần (và chỉ đủ thời gian) phát vấn, yêu cầu HS nêu lên đặc trưng cơ bản nhất của truyền thuyết, giá trị và ý nghĩa của nó bằng cách dựa vào bài chuẩn bị ở nhà.

Riêng về sự tồn tại của truyền thuyết trong môi trường sinh hoạt văn hoá dân gian (tín ngưỡng và lễ hội diễn ra tại những địa danh liên quan đến lịch sử) tuy không phải là ý trọng tâm nhưng bài giảng vẫn cần đề cập đến. Ý này trước đây ít được lưu ý trong nhà trường, nhưng chính nó lại giúp HS nhận thức rõ một trong những nét khác biệt quan trọng giữa văn học dân gian với văn học viết. Đây là một biểu hiện cụ thể của *sự đổi mới cách dạy và học tác phẩm văn học dân gian*.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) *Phần giới thiệu xuất xứ của văn bản*

Đoạn viết này trong SGK gồm hai ý lớn :

+ Giới thiệu cụm di tích lịch sử Cổ Loa.

+ Giới thiệu vắn tắt nội dung đầy đủ của truyền thuyết về thành Cổ Loa.

Ý thứ nhất nhằm nêu lên mối quan hệ giữa truyền thuyết với lịch sử có thể được "kiểm chứng" qua các "chứng tích vật chất". Đưa ý này vào phần giới thiệu chung về tác phẩm là một sự *đổi mới về cách dạy và học văn học dân gian : đặt tác phẩm vào tổng thể sinh hoạt văn hoá dân gian.*

Với ý thứ nhất này chỉ cần gọi một HS đọc đoạn viết trong SGK, tóm tắt nội dung đoạn viết, rồi cho cả lớp ghi vắn tắt về mối quan hệ giữa truyền thuyết với không gian sinh thành, tồn tại của nó.

Ý thứ hai nhằm giới thiệu xuất xứ nội dung của văn bản. Tại lớp chỉ cần gọi một HS đọc đoạn viết trong SGK rồi cho cả lớp ghi vắn tắt về xuất xứ nội dung của văn bản.

Lưu ý : Không cần dừng lại lâu ở phần này vì trọng tâm giờ giảng là phần *Tìm hiểu văn bản.*

b) *Phần hướng dẫn tìm hiểu văn bản*

Đây là phần trọng tâm của bài học.

– Hướng dẫn HS tóm tắt nội dung văn bản.

– Văn bản được trình bày theo bố cục bốn đoạn rõ rệt :

+ Đoạn thứ nhất : thuật lại quá trình xây thành – chế nỏ từ thất bại đến thành công của An Dương Vương nhờ có sự giúp sức của thần Rùa Vàng.

+ Đoạn thứ hai : thuật lại hành vi đánh cắp lẫy nỏ thần của Trọng Thủy.

+ Đoạn thứ ba : thuật lại diễn biến của cuộc chiến tranh lần hai giữa hai nước, kết thúc bi kịch đối với cha con An Dương Vương.

+ Đoạn thứ tư : thuật lại kết cục đầy cay đắng và nhục nhã đối với Trọng Thủy cùng chi tiết "ngọc trai – nước giếng" có ý nghĩa minh oan cho Mị Châu.

Đó là cách kết cấu cốt truyện theo trình tự xảy ra sự việc – một kiểu kết cấu phổ biến của truyện dân gian. Nhưng riêng với truyền thuyết, kiểu kết cấu ấy cho thấy mối quan hệ giữa thể loại với lịch sử (Cả cuộc đời nhân vật An Dương Vương từ khi lên ngôi đến lúc mất nước được thuật lại đầy đủ các sự kiện quan trọng. Qua đó cả một giai đoạn lịch sử đầy biến động của nhà nước Âu Lạc được tái hiện – Truyền thuyết thực hiện chức năng chép sử như thế đó, tất nhiên với sự hỗ trợ của trí tưởng tượng). Bởi vậy cần hướng dẫn HS khi tập đọc văn bản phải thể hiện được chỗ chuyển đoạn qua sự ngừng giọng.

Trước kia thường tiến hành khâu đọc và tóm tắt nội dung cốt truyện trước, sau đó mới tìm bố cục của truyện. Nay cần thay đổi : hướng dẫn HS tìm bố cục truyện rồi mới yêu cầu HS tóm tắt nội dung truyện bằng cách dựa vào sơ đồ cốt truyện (tức bố cục văn bản). *Tiến trình bài giảng đã đổi khác này có thể giúp HS rèn luyện kĩ năng tóm tắt truyện dân gian.*

c) *Hướng dẫn khám phá, tìm hiểu tác phẩm thông qua việc trả lời, thảo luận các câu hỏi Hướng dẫn học bài*

Cả năm câu hỏi đều đòi hỏi HS phải tự thâm nhập, khám phá văn bản và cũng dành cho HS một "khoảng không rộng lớn" để tự do phát huy cách hiểu của riêng mình.

Câu 1

Nội dung câu hỏi gồm hai phần :

– Tìm và liệt kê những chi tiết liên quan đến nhân vật An Dương Vương.

– Trả lời các câu hỏi (a), (b), (c).

(Không có cứ liệu khách quan rút ra từ chính tác phẩm thì không thể đánh giá nhân vật một cách chính xác. HS lại thường có thói quen ít quan tâm tìm cứ liệu khách quan mà vội nêu nhận định chủ quan ngay. Nay cần *thay đổi cách nghĩ, cách làm việc của HS.*)

a) An Dương Vương được thần linh giúp đỡ vì đã có ý thức đề cao cảnh giác, lo xây thành, chuẩn bị vũ khí từ khi giặc chưa đến. Tưởng tượng ra sự giúp đỡ của thần linh là cách để nhân dân ca ngợi nhà vua, tự hào về chiến công xây thành, chế nỏ, chiến thắng ngoại xâm của dân tộc.

b) Về sau An Dương Vương đã vì sai lầm mà thất bại. Lỗi của An Dương Vương là đã mơ hồ về bản chất ngoan cố của kẻ thù xâm lược, đã mở đường cho con trai đối phương lọt vào làm nội gián trong hàng ngũ của mình ; lúc giặc đến còn có thái độ ỷ lại vào vũ khí mà không đề phòng.

c) Những hư cấu nghệ thuật (Rùa Vàng, Mị Châu và chi tiết nhà vua tự tay chém đầu con gái) được sáng tạo là để nhân dân gửi gắm lòng kính trọng đối với thái độ dũng cảm của vị anh hùng, sự phê phán thái độ mất cảnh giác của Mị Châu, là lời giải thích lí do mất nước nhằm xoa dịu nỗi đau mất nước.

Câu 2

Để trả lời câu hỏi này, GV không nên áp đặt ý kiến của mình đối với HS mà cần tổ chức cho lớp thảo luận. Trong thảo luận, có thể xuất hiện tình huống có nhiều ý kiến khác biệt được nêu lên mà chưa ngã ngũ như sau :

+ Tán thành cách đánh giá thứ nhất, phê phán Mị Châu. Nhưng cũng không đủ lí lẽ để phản bác cách đánh giá thứ hai.

+ Tán thành cách đánh giá thứ hai, bênh vực Mị Châu. Nhưng cũng không đủ lí lẽ để phản bác cách đánh giá thứ nhất.

+ Tán thành cách đánh giá thứ nhất, phản bác cách đánh giá thứ hai mà không đưa ra được lí lẽ nào đủ sức thuyết phục.

(Có khả năng nhiều HS thuộc số này.)

+ Tán thành cách đánh giá thứ hai với lập luận dựa trên luân lí của chế độ phong kiến đòi hỏi người vợ phải nghe theo ý kiến người chồng vô điều kiện, từ đó đưa ra đề nghị chúng ta ngày nay nên thông cảm với Mị Châu mà chớ phê phán nàng.

(Cũng có khả năng nhiều HS ngả theo ý kiến này.)

Tình huống trên đặt ra yêu cầu phải *xác lập phương pháp để xem xét, giải quyết vấn đề* – một vấn đề có tính lí luận, phương pháp luận. GV cần hướng dẫn HS thảo luận lần lượt theo hai bước sau :

- Xác lập cơ sở lí luận, cơ sở phương pháp luận để giải quyết vấn đề đặt ra.
- Vận dụng cơ sở lí luận trên vào việc xem xét, đánh giá nhân vật.

Có hai cơ sở có tính nguyên tắc cần phải dựa vào : đặc trưng của thể loại truyền thuyết và ý thức xã hội chính trị – thẩm mĩ của nhân dân khi đến với truyền thuyết.

GV cần hướng dẫn HS nhận thức được rằng :

– Truyền thuyết không phải là một bản sao chép thực tế lịch sử mà là một loại sáng tạo nghệ thuật nên việc phản ánh lịch sử "không hề vô tư", "không hề trung lập". Truyền thuyết kể về sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử nhằm đề cao cái đẹp, cái tốt, cái tích cực và phê phán cái xấu, cái tiêu cực theo quan niệm của nhân dân. Lịch sử Việt Nam kể từ khi nước Âu Lạc bị mất đến lúc *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* được ghi lại trong *Lĩnh Nam chích quái* (khoảng 18 thế kỉ) có một đặc điểm nổi bật : đó là lịch sử không ngừng đấu tranh chống ngoại xâm. Trong tình hình ấy, các sáng tác văn học dân gian nói chung, đặc biệt là truyền thuyết nói riêng, có nhiệm vụ đề cao tư tưởng yêu nước thương nòi, giáo dục lòng trung thành với dân tộc, ý thức và tình cảm tha thiết đối với nền độc lập tự chủ của quốc gia. Các triều đại phong kiến độc lập, tự chủ ở nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XV tuy có dựa vào ý thức hệ Nho giáo để củng cố vương quyền nhưng vẫn phải đề cao lòng yêu nước, ý chí vì độc lập, tự do của dân tộc. Với nhân dân, lại càng không thể quan niệm rằng người công dân có thể đặt tình riêng cao hơn nghĩa lớn vì nước, vì dân. Với một ý thức công dân như thế, lại ở vào thế kỉ XV sau cả nghìn năm Bắc thuộc đau thương và uất hận, trải qua bao cuộc chiến đấu chống ngoại xâm giành và giữ nền độc lập dân tộc, khi nhớ lại, hồi tưởng lại lịch sử và đem những hồi ức lịch sử ấy phổ vào sáng tạo nghệ thuật, dân gian Việt Nam không thể nào lại ca ngợi một nàng công chúa, con gái một ông vua đã khổ công xây thành, chế nỏ cốt để chống ngoại xâm mà lại có thể chỉ biết nghe lời người chồng vốn là con trai một kẻ mới hôm nào tấn công cha mình và đất nước mình, không nghĩ gì đến bổn phận của công dân đối với vận mệnh Tổ quốc. Nếu như ngoài đời thực có thể có những người con gái ngây thơ đến khờ khạo, mất cảnh giác như thế, thiếu ý thức công dân đối với Tổ quốc như thế, thì trong sáng tạo nghệ thuật dân gian không thể có việc đề cao, bênh vực họ. Với truyền thuyết lại càng như vậy, vì đây là thể loại có nhiệm vụ hồi tưởng lại lịch sử quá khứ để rút kinh nghiệm, nhằm giáo dục lòng yêu nước, bồi dưỡng ý thức

công dân, đặt việc nước cao hơn tình nhà. (GV có thể nhắc tới bài thơ *Tâm sự* của Tố Hữu trong tập *Thơ Tố Hữu* – NXB Giáo dục, Hà Nội, 1971.)

– Mặt khác, nhân dân trong khi "phê phán Mị Châu bằng bản án tử hình" một cách dích đáng, lại cũng đã thấu hiểu rằng nàng mắc tội không do chủ ý mà chỉ do vô tình, thơ ngây, nhẹ dạ. Bởi thế họ (tức truyền thuyết) đã "khuôn xếp" cho máu nàng biến thành ngọc trai đúng như lời nguyện của nàng, để nói lên rằng người Việt Nam không ai chịu bán nước, cùng lắm họ chỉ có thể mắc lừa kẻ địch, bị chúng lợi dụng mà thôi. Điều này nói lên truyền thống cư xử thật tháu lí đạt tình của dân ta.

Câu 3

Câu hỏi này gồm hai vế. Vế thứ nhất nêu lên những biểu hiện thoát nhìn có vẻ trái ngược nhau và khó hiểu trong cách "khuôn xếp" số phận của Mị Châu. Ý còn lại đòi hỏi HS phải phân tích, lí giải hiện tượng đó. Như vậy, thực chất điều cần trả lời nằm ở vế sau của câu hỏi. GV cần hướng dẫn HS thảo luận để cuối cùng tự tìm ra *câu trả lời đúng và đủ*.

Với việc để thần Rùa Vàng kết tội Mị Châu là giặc và vua cha tuốt kiếm chém chết nàng, người sáng tác truyện (tức nhân dân) đã tuyên đọc và thi hành bản án của lịch sử. Cách kết thúc này xuất phát từ truyền thống yêu nước, lòng tha thiết với độc lập, tự do của người Việt cổ.

Tuy nhiên, số phận của Mị Châu chưa hẳn đã chấm dứt : nàng hoá thân trong hình hài khác. Sử dụng hình thức "hoá thân" để kéo dài sự sống của nhân vật là thủ pháp nghệ thuật truyền thống của truyện kể dân gian (ví dụ : kết thúc truyện *Thạch Sanh*, hai mẹ con Lí Thông chết rồi còn hoá thành con bọ hung xấu xí, bẩn thỉu ; kết thúc truyện *Đá Vọng Phu*, nàng Tô Thị hoá thành tảng đá hình thiếu phụ bồng hoặc đất con ngóng mãi phía chân trời,...). *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* sử dụng thủ pháp nghệ thuật đó một cách sáng tạo : nhân vật không *hoá thân trọn vẹn* trong một hình hài duy nhất khác. Máu nàng chảy xuống biển hoá thành ngọc trai, xác hoá thành ngọc thạch. Hình thức hoá thân độc đáo, có một không hai trong truyện kể dân gian này thể hiện tính hai mặt, không đơn giản của hình tượng nhân vật là cách để nhân dân vừa thể hiện sự bao dung, niềm thông cảm với sự trong trắng, thơ ngây của Mị Châu trong khi phạm tội một cách vô tình, vừa thể hiện thái độ nghiêm khắc cùng bài học lịch sử muốn truyền lại cho trai – gái nước Việt muôn đời sau trong việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà với nước, giữa riêng với chung. Có thể tạm gọi đây là *kiểu hoá thân – phân thân*.

Câu 4

Việc trả lời câu hỏi này có phần phức tạp một chút, nên dành thời gian cho lớp thảo luận. Đến với *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* cần phải tinh ý lắm để thấy rằng "ngọc trai – nước giếng" vừa là một hình ảnh có giá trị thẩm mĩ cao, vừa là một tình tiết đắt giá xét về phương diện tổ chức cốt truyện : nó

là sự kết thúc duy nhất hợp lí cho số phận của đôi trai gái. Tình tiết này thật ra gồm ba chi tiết hợp thành : chi tiết "ngọc trai" được sáng tạo trong tương quan với lời Mị Châu khẩn trước lúc chết nhằm chiêu tuyết cho danh dự của nàng, nó chứng thực tấm lòng trong sáng của công chúa ; chi tiết "nước giếng" có hồn Trọng Thủy hoà cùng nỗi hối hận vô hạn là sự chứng nhận cho mong muốn hoá giải tội lỗi của hần ; chi tiết ngọc trai kia đem rửa trong nước giếng này lại càng sáng đẹp hơn nói lên rằng Trọng Thủy đã tìm được sự hoá giải trong tình cảm của Mị Châu ở thế giới bên kia. Thật là một hình tượng nghệ thuật được cấu tạo đến mức hoàn mĩ.

GV cần dự kiến trước khả năng có một số HS ngỡ rằng nhân dân sáng tạo hình ảnh "ngọc trai – nước giếng" để ca ngợi mối tình chung thủy Mị Châu – Trọng Thủy. Với loại ý kiến này, GV cần chỉ rõ :

– Những người dân Âu Lạc yêu nước không bao giờ lại sáng tạo nghệ thuật để ca ngợi những ai đã đưa họ đến bi kịch mất nước.

– Hình ảnh "ngọc trai – nước giếng" quả là một sáng tạo nghệ thuật đẹp đến mức hoàn mĩ. Nhưng vẻ đẹp ấy không thuộc về mối tình Mị Châu – Trọng Thủy mà thuộc về thái độ vừa nghiêm khắc vừa nhân ái của người dân Âu Lạc, ở cách ứng xử vừa thấu lí vừa đạt tình đã thành truyền thống của dân tộc ta.

– Tất nhiên dẫn đến bi kịch mất nước Âu Lạc còn có phần của An Dương Vương. Nhưng nhân dân vẫn suy tôn Ngài là anh hùng dân tộc. Điều này đã được lí giải khi trả lời câu hỏi 1.

Trước khi kết thúc bài giảng, chuyển sang phần nêu bài tập ở nhà, GV có thể giới thiệu qua những địa phương thờ cúng An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy.

Yêu cầu này có thể không cần đặt ra ở những nơi ngoài vùng Đông Anh (Hà Nội), vùng Kiến Xương (Thái Bình).

Câu 5

Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy không phải là lịch sử chính xác mà là sáng tác văn học dân gian về lịch sử. Truyện lưu giữ trong lòng nó phần "cốt lõi của lịch sử" : nước Âu Lạc vào thời An Dương Vương đã được dựng lên, có thành cao, hào sâu, vũ khí đủ mạnh để chiến thắng cuộc xâm lược của Triệu Đà, nhưng về sau đã bị rơi vào tay kẻ thù.

Nhưng vì là sáng tác nghệ thuật của nhân dân còn tin và muốn tin vào những điều thần kì nên *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* vừa kể lại cái sự thực lịch sử ấy vừa thần kì hoá nó. Nhân vật thần Rùa Vàng xuất hiện là để thần kì hoá chiến công xây thành, chế nỏ của dân tộc ta, đứng đầu là An Dương Vương. Những chi tiết mang vẻ ngoài rất hiện thực về mối tình Mị Châu – Trọng Thủy, về việc thành Cổ Loa thất thủ được kể kết hợp với những chi tiết thần kì về thần Rùa Vàng hiện lên kết án Mị Châu, đón An Dương Vương về thủy phủ (nơi đó Lạc Long Quân ngự trị và chờ đợi vua An Dương trở về), về nhân vật Mị Châu được hư cấu với sự

hoá thân kì diệu của nàng sau khi chết,... tất cả nhằm giải thích nguyên nhân mất nước Âu Lạc – những nguyên nhân chỉ có trong trí tưởng tượng của một nhân dân rất đỗi yêu nước nay lần đầu bị mất nước. Ngay cả nhân vật Trọng Thủy cùng với khả năng thần kì của nước giếng Ngọc xuất hiện sau khi hấn trầm mình cũng là sản phẩm của trí tưởng tượng. Những chi tiết thần kì ấy phù hợp với tình cảm của người dân Âu Lạc, đáp ứng nhu cầu tâm lí thiêng liêng của họ : khẳng định dứt khoát rằng An Dương Vương và dân tộc Việt mất nước không do kém cỏi về tài năng mà bởi vì kẻ thù (Triệu Đà) dùng thủ đoạn hèn hạ nhằm vào một người con gái ngây thơ, cả tin, thủ đoạn ấy còn là vô nhân đạo đến mức đê tiện ở chỗ lợi dụng ngay cả tình yêu trai – gái. Đó cũng là sự đáp ứng nhu cầu của dân ta khẳng định sự bất tử của vị vua anh hùng từng dựng lên nhà nước Âu Lạc nổi tiếng một thời với thành Cổ Loa bề thế, hoành tráng, được bảo vệ bởi những vũ khí lợi hại khiến kẻ thù khiếp sợ,... Tóm lại, sự thần kì hoá lịch sử trong *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* nhằm tôn vinh dân tộc cùng đất nước, hạ thấp kẻ thù.

Một dân tộc yêu nước và có ý thức tự tôn bao giờ cũng hành động như thế.

d) *Lưu ý đến đặc điểm địa phương của đối tượng tìm hiểu tác phẩm*

Có hai địa phương cần đặc biệt lưu ý :

– Huyện Đông Anh, Hà Nội ;

– Huyện Kiến Xương, Thái Bình.

Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội hiện còn dấu vết thành Cổ Loa xưa, giếng Trọng Thủy còn gọi là giếng Ngọc – nơi Trọng Thủy tự vẫn, đền Thượng thờ An Dương Vương, am Bà Chúa thờ Mị Châu ; trong đền Thượng hiện còn trưng bày nhiều hiện vật bằng đồng đào được ở khu vực Cổ Loa, đặc biệt là những mũi tên đồng mà ngành khảo cổ phát hiện được vào tháng 7 năm 1959 (cả một kho với hàng vạn mũi). Đó là những "chứng tích vật chất" gợi nhắc cái lõi lịch sử của truyền thuyết về quá trình "xây thành – chế nỏ" và về bi kịch tình yêu đã được thần kì hoá. Gần kề xã Cổ Loa là xã Dục Tú, hiện còn miếu thờ Trọng Thủy ; theo truyền kể lưu hành ở địa phương, đền xây ngay tại nơi cái xác chết trôi của Thủy tấp vào.

Ở làng Đồng Xâm, xã Hồng Thái huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình lại có đền thờ Triệu Đà. Địa phương này xưa là quê bà vợ người Âu Lạc của Triệu Đà.

Với HS ở hai vùng trên có thể nảy sinh thắc mắc : Vì sao trong truyền thuyết thì hình ảnh cha con Triệu Đà được xây dựng như điển hình nghệ thuật về bọn giặc xâm lược đầy tham vọng và mưu mô nham hiểm, nhưng ngoài đời lại được dân gian thờ cúng ? Thắc mắc này nếu có điều kiện thì nên giải đáp để giúp HS hiểu rõ hơn mối quan hệ cũng như sự khác nhau về bản chất giữa một hiện tượng lịch sử và nhân vật lịch sử với một hiện tượng văn học và nhân vật văn học, giữa truyền thống yêu nước của dân tộc với tinh thần cởi mở, bao dung của tín ngưỡng dân gian nơi làng xã.

Trước hết là việc dân xã Dục Tú lập đền thờ Trọng Thủy.

Nhìn chung, dân gian xưa thờ một nhân vật nào đó thường xuất phát từ một trong hai động cơ sau : hoặc do biết ơn, do kính trọng mà thờ (trường hợp này ta gặp ở những nơi thờ các anh hùng dân tộc, những nhân vật có công trạng với địa phương hoặc với sự ra đời và phát triển một ngành nghề nào đó), hoặc vì e sợ sự tác oai tác quái của nhân vật đối với dân làng. Việc xã Dục Tú thờ Trọng Thủy thuộc trường hợp thứ hai : xác của hấn tấp vào làng, hồn hấn "hiện lên báo mộng" cho các cụ cao tuổi trong làng biết phải lập miếu thờ, nếu không hấn sẽ gây tai hoạ cho làng. Và chẳng việc hấn lao đầu xuống giếng tự vẫn (nơi đây, xưa hai vợ chồng thường tắm cùng), ít nhiều biểu lộ thái độ hối hận, dẫu có muện mản, của kẻ phạm tội lớn. Có thể hiểu việc Thủy tự lao đầu xuống giếng mà chết là một hành động mong được *hoá giải* tội lỗi cùng Mị Châu. Và như vậy, chi tiết ngọc trai biển Đông do máu Mị Châu hoá thành khi đem rửa trong nước giếng mà Thủy đã tự vẫn thì lại càng sáng hơn hấn mang hàm ý : Mị Châu nơi cõi thiêng đã ghi nhận sự hối lỗi của Trọng Thủy. Dân Dục Tú thờ hấn cũng là một cách để biểu lộ sự tha thứ (tất nhiên họ chỉ tha thứ "sau khi hấn đã phải tự kết liễu đời mình vào lúc cha con hấn đã là kẻ chiến thắng ; cần lưu ý rằng tha thứ chứ không tha bổng như một kẻ bị oan nay được "xử trắng án"). Đó cũng là một khía cạnh trong tính cách khoan dung của người Việt.

Truyền thuyết về thành Cổ Loa ra đời trên cái nền lịch sử là cuộc kháng chiến của nước Âu Lạc chống lại cuộc chiến tranh thôn tính của Triệu Đà (vua nước Nam Việt) từ phía bắc. Sau nhiều lần thất bại trên chiến trường bởi đối phương có thành cao – hào sâu – vũ khí lợi hại và ý thức cảnh giác cao, Triệu Đà xoay sang tìm kiếm chiến thắng dựa vào "thủ đoạn tình báo" và Trọng Thủy – con trai hấn được "đánh" sang triều đình Âu Lạc trong cái vỏ phò mã (việc tên này xin sang ở rể ba năm chính là sự lợi dụng phong tục hôn nhân của Âu Lạc thời đó). Kết quả là Cổ Loa thất thủ, nước Âu Lạc bị sáp nhập vào Nam Việt. Phản ánh thực tế lịch sử ấy, tất nhiên theo quan điểm chính trị – xã hội của người Âu Lạc vô cùng yêu nước nay lần đầu bị mất nước, dễ hiểu là truyền thuyết dân gian đã xây dựng hình ảnh cha con Triệu Đà thành hai điển hình tiêu cực cho những thế lực xâm lăng.

Đền thờ Triệu Đà ở Thái Bình được dựng lên trong một thời điểm lịch sử khác rất muện về sau. Đó là lúc Triệu Đà cùng với những "người Nam Việt cũ" (tức những người dân của nước Nam Việt lúc Đà chưa kiêm tính được Âu Lạc) và những "người Nam Việt mới" (tức những người ngày hôm qua còn là cư dân Âu Lạc hôm nay đã thành người lệ thuộc vào sự thống trị của họ Triệu) đứng lên chống lại cuộc Nam tiến của nhà Hán. Với "người Nam Việt mới", cuộc chiến đấu này, thực ra, là sự tiếp tục cuộc chiến đấu, mà trong chừng mực nhất định, họ đã tiến hành ngay từ lúc còn tồn tại nước Âu Lạc của An Dương Vương. Chỉ có điều kẻ thù lúc đó là nhà Tần (còn triều đại lúc bấy giờ thì lại là nhà Hán – triều đại thay thế nhà Tần). Chính đó là một trong những lí do – lí do mang tính lịch sử – khiến sau khi Triệu Đà chết đã được một bộ phận người Việt cổ thuộc vùng Thái Bình lập đền thờ. Ngoài ra, có thể nói đến một lí do thứ hai nữa : Triệu Đà, sau lúc đã thôn tính Âu Lạc, có lấy một bà vợ

quê ở Đồng Xâm, Thái Bình. Cuộc hôn nhân ấy hẳn có phần vì lí do chính trị – xã hội : Triệu Đà hi vọng bằng cách đó sẽ được người dân Việt cổ cảm thấy gần gũi, tin tưởng hơn. Việc một người con rể của làng, lại là một nhân vật lịch sử dù sao cũng đã có thời cầm đầu cuộc kháng chiến chống lại tiến trình xâm lược và đồng hoá của nhà Hán ngoại bang, sau khi chết được dân làng dựng đền thờ (có thể hồi đó chưa phải là một ngôi đền lớn như ta thấy bây giờ) cũng không phải là điều khó hiểu : nó thể hiện khía cạnh bao dung trong tính cách Âu Lạc, tinh thần Việt cổ. Tuy nhiên, sau một thời gian chiến đấu chống lại sự bành trướng của nhà Hán, Triệu Đà đã chịu quy thuận. Và phải chăng, vì thế mà sau này chính quyền đô hộ của các triều đại phong kiến Trung Hoa chấp thuận (nếu không muốn nói là còn khuyến khích) việc lập đền thờ Triệu Đà – một kẻ đã quy phục nhà Hán. Sự chấp thuận ấy nằm trong chính sách đồng hoá, nô dịch người Việt cổ. Về phía nhân dân ta, từ trước đến sau, việc thờ Triệu Đà vẫn không thể có ảnh hưởng vượt xa khỏi phạm vi rất hẹp thuộc xã Đồng Xâm hiện nay. Thế mới biết, dù cởi mở và bao dung thì sự thờ cúng của dân gian nơi làng xã vẫn phải đảm bảo không xâm hại truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc. Cũng là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống ngoại xâm mà An Dương Vương, với cả thành công lẫn thất bại, cả công lẫn "tội", vẫn được thờ như một vị anh hùng dân tộc và đền Cổ Loa nổi tiếng trong phạm vi toàn quốc, lễ hội Cổ Loa được đặt ở tầm "quốc tế" (trong ngày lễ, triều đình cử đại diện về đứng chủ tế), còn họ Triệu chỉ được thờ ở một phạm vi làng xã nhỏ hẹp là quê vợ của mình và trong truyền thuyết được biết đến rộng rãi trên cấp độ toàn dân – toàn quốc thì vẫn chỉ được coi là biểu tượng cho các thế lực ngoại xâm nói chung, mà toàn thể dân tộc ta không ngừng phải đương đầu, trong suốt lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, kể từ sau thất bại của An Dương Vương. Việc Triệu Đà chỉ được thờ ở Đồng Xâm không những không đi ngược lại tình cảm yêu nước của dân tộc ta, trái lại sự tồn tại của ngôi đền song song với việc lưu truyền câu chuyện *Mị Châu – Trọng Thủy* đã như một sự đối sánh tương phản làm nổi lên rõ hơn ý nghĩa lớn lao của truyền thuyết trong việc phản ánh lịch sử chống ngoại xâm của người Việt. Tất nhiên khi nêu lên sự khác biệt giữa lịch sử với văn học (dân gian) chúng ta vẫn không quên rằng văn bản truyền thuyết về thành Cổ Loa được sưu tập, biên soạn thành văn ở một thời đại rất muộn về sau, lúc mà ý thức quốc gia – dân tộc ở người Việt đã trở nên hết sức rõ ràng.

Chú ý : Yêu cầu này có thể không đặt ra đối với HS ở ngoài hai địa phương nói trên thuộc Đông Anh (Hà Nội) và Kiến Xương (Thái Bình). Đây chỉ là chuẩn bị trước một "phương án dự phòng" cho các GV ở hai nơi này khi HS thắc mắc.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

GV cần hướng dẫn HS cách làm bài luyện tập ở nhà, đặc biệt là với những HS chưa quen với cách làm bài tập trắc nghiệm, lựa chọn.

Bài tập 1

Bài này gồm hai câu hỏi nhỏ. Lời giải cho bài tập này gồm hai phần :

- HS nhận xét về hai cách đánh giá mà đề bài nêu ra.
- HS trình bày cách đánh giá của mình.

Hai câu (a) và (b) đều nêu lên những cách đánh giá phiến diện, hời hợt về nhân vật. Mỗi câu (a) hay (b) đều chỉ đúng một nửa.

GV cần hướng dẫn HS tìm ra lời giải đáp toàn diện, sâu sắc cả lí lẫn tình, một lời giải đáp phù hợp với chân lí (đạo lí của dân tộc, đạo lí của con người). Và, lẽ tự nhiên, để có thể nêu "ý kiến riêng", HS cần có lập luận. Nhưng trong thực tế, có thể có những HS chỉ nêu cách đánh giá một cách cảm tính mà không cần lập luận. Chính bởi vậy nên việc GV hướng dẫn cách làm bài luyện tập và nhất là việc GV đặt ra yêu cầu *nêu quan điểm kèm theo lập luận, giải thích là một đòi hỏi có ý nghĩa rèn luyện cho HS cách tư duy, nhìn nhận sự việc và trình bày quan điểm cá nhân về sự việc.*

Bài tập 2*

Cách xử lí này phù hợp với đạo lí truyền thống của dân tộc ta. Đó là sự bao dung đối với những đứa con của dân tộc đã trót có thời lầm lỡ gây tai hoạ cho nhân dân, nhưng về sau đã biết hối hận và chịu hình phạt xứng đáng. Lúc sống, đứng trước trách nhiệm với dân, với nước người cha đã phải tự tay trừng trị con gái mình (chắc chắn nhà vua rất đau đớn), thì ở kiếp sau nên cho cha con nhà vua đoàn tụ bên nhau, sớm tối có nhau. Đó là đức nhân hậu của nhân dân ta.

Bài tập 3*

Đây là một bài tập nhằm động viên, khuyến khích HS tự tìm tòi, bổ sung tài liệu phục vụ học tập. Để có thể hướng dẫn HS có kết quả, GV cần tự mình tìm tòi, chuẩn bị trước.

(Gợi ý : Các nhà thơ Tố Hữu, Trần Đăng Khoa,... đều đã có sáng tác về Mị Châu và Trọng Thủy.)

IV – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Có thể sử dụng tranh, ảnh về di tích Cổ Loa. (Hoặc thêm tranh ảnh di tích các đền thờ An Dương Vương có ở Nghệ An – nơi nhà vua trầm mình để theo thần Kim Quy về biển Đông, nơi Mị Châu hoá đá. Đối với những trường ở hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh thì nhất thiết phải sử dụng cả những tranh, ảnh này.)

Nếu có thể, GV yêu cầu HS sưu tầm và tìm đọc truyện tranh về truyện *Mị Châu – Trọng Thủy*, về An Dương Vương đã được xuất bản.

2. Có thể tổ chức HS đến tham quan các di tích lịch sử liên quan đến truyện.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tầm Vu, *Tư tưởng chủ yếu của người Việt thời cổ qua những truyện đứng đầu trong thần thoại và truyền thuyết*, Tạp chí *Văn học*, số 3, 1967.